

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI LỘC
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/DS-ST
Ngày 30 - 09 -2022
V/v tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Thê

Các Hội thẩm nhân dân: Lê Quang Hòa và ông Nguyễn Xuân Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kỳ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 09 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2022/TLST- DS ngày 05/7/2022 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản (Hợp đồng tín dụng) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A; Địa chỉ trụ sở: số 198 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: anh Trần Đại Thành – sinh năm 1992 và anh Hà Văn Thủy - sinh năm 1989. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng S – sinh năm 1983 - có mặt; chị Nguyễn Thị Ph – sinh năm 1989 – vắng mặt; Địa chỉ: xóm T, xã H, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Hồng Th - sinh năm 1986 và chị Nguyễn Thị N - sinh năm 1984; Địa chỉ: xóm T, xã H, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/3/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Trần Đại Thành

trình bày: anh Nguyễn Hồng S và chị Nguyễn Thị Ph đã có quan hệ vay vốn tại Ngân hàng A theo các Hợp đồng tín dụng có nội dung chính như sau:

- Hợp đồng cho vay từng lần số REF2107800214/HĐTD/NA1-NHS ngày 31/03/2021 (trong bản án viết tắt là “Hợp đồng tín dụng”): số tiền vay 320.000.000 đồng; mục đích là vay bù đắp xây dựng nhà, thời hạn từ ngày 01/04/2021 đến ngày 01/04/2036; gốc và lãi trả vào ngày 25 hàng tháng; lãi suất 6,99%/năm (có biến động sau 12 tháng); lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 904, tờ bản đồ số 06, diện tích 332m², địa chỉ tại: Xóm T, xã H, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 635801, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nghệ An cấp ngày 16/10/2020 cho anh Nguyễn Hồng S và chị Nguyễn Thị Ph. Tài sản này đã được thế chấp tại SeABank theo hợp đồng Thế chấp quyền sử dụng đất số REF2107800214/HĐTC/NA1-NHS Ngày 31/03/2021 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật.

- Đơn đề nghị kiểm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiểm hợp đồng hạn mức tín dụng số 5236.1100.4403.5899 ngày 04/03/2021 (trong bản án viết tắt là “Thẻ tín dụng”): vay số tiền 14.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng, thời hạn 12 tháng, kỳ trả nợ vào 25 hàng tháng, lãi suất cho vay 30%/năm, lãi suất quá hạn 150% mức lãi suất trong hạn, số tài khoản thẻ là 00008740075.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh S chị Ph đã trả được tổng số gốc và lãi của 2 hợp đồng là 54.586.246 đồng (gồm 31.648.100 đồng nợ gốc và nợ lãi 22.938.146 đồng). Đối với “Hợp đồng tín dụng” thì anh S chị Ph đã vi phạm kỳ hạn trả nợ ngày 25/3/2022 và “Thẻ tín dụng” thì vi phạm kỳ hạn trả nợ ngày 25/02/2022. Tính đến ngày 30/9/2022, anh S chị Ph vẫn còn nợ tổng số tiền gốc của khoản vay là 303.958.753 đồng, tiền lãi là 20.947.855 đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu Toà án buộc anh S chị Ph phải trả các khoản nợ như sau:

“Hợp đồng tín dụng”: số tiền gốc: 300.442.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 30/9/2022 là 20.305.344 đồng.

“Thẻ tín dụng”: tiền gốc 3.516.753 đồng và nợ lãi 642.511 đồng.

Và tiền lãi phát sinh sau ngày 30/9/2022 cho đến khi trả hết 2 khoản nợ.

Trường hợp anh S chị Ph không trả được nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 904, tờ bản đồ số 06, diện tích 332m², địa chỉ tại: xóm T, xã H, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 635801, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Nghệ An cấp ngày 16/10/2020 cho anh Nguyễn Hồng S và chị Nguyễn Thị Ph.

Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: đại diện nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Hồng S và chị Nguyễn Thị Ph hoàn toàn đồng thuận với nội dung trình bày cũng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do khó khăn nên anh chị chưa trả được nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu anh chị trả tổng số tiền gốc của hai khoản vay là 303.958.753 đồng, tiền lãi tính đến 30/9/2022 là 20.947.855 đồng, lãi phát sinh sau ngày 30/9/2022 theo thỏa thuận tín dụng thì anh chị nhất trí trả. Trường hợp không thu xếp trả được thì anh chị sẵn sàng giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng xử lý thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hồng Th và chị Nguyễn Thị N không có mặt tham gia tố tụng nên Tòa án không thu thập được lời khai của họ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, các đương sự đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Căn cứ vào Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 17, Điều 24, Điều 25 của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001) của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 290; Điều 355; Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 13; Điều 26 của Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ gốc và nợ lãi theo các hợp đồng tín dụng và xem xét xử lý tài sản thế chấp theo pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Ph, anh Nguyễn Hồng Th và chị Nguyễn Thị N đã được triệu tập hợp lệ 02 lần mà vẫn vắng mặt tại các phiên họp cũng như tại phiên tòa nên theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt những đương sự này là đúng pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Trên cơ sở lời thừa nhận của các đương sự, Hợp đồng cho vay từng lần số REF2107800214/HĐTD/NA1-NHS ngày 31/3/2021 và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kèm hợp đồng hạn mức tín dụng ngày 04/3/2021 thì đủ cơ sở để xác định giữa anh Nguyễn Hồng S, chị Nguyễn Thị Ph và Ngân hàng A (trong bản án này được viết tắt là Ngân hàng) và anh Nguyễn Hồng S, chị Nguyễn Thị Ph có phát sinh 02 giao dịch vay tài sản:

Giao dịch vay số tiền gốc 320.000.000 đồng; lãi suất 6,99%/năm có điều chỉnh biến động, thời hạn kể từ ngày 01/4/2021 đến 01/4/2036; mục đích vay vốn là bù đắp xây dựng nhà, hạn trả số nợ gốc kỳ I vào ngày 25/4/2021 trong tổng số 180 kỳ, mỗi kỳ 1.778.000 đồng, riêng kỳ cuối là 1.738.000 đồng. Ngày 31/3/2022, Ngân hàng đã giải ngân vốn vay bằng hình thức chuyển khoản số tiền 320.000.000 đồng vào tài khoản 33608205143804 của chị Đậu Thị Thủy mở tại Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Hưng Nguyên.

Giao dịch vay thông qua việc phát hành, sử dụng thẻ tín dụng đối với số tiền gốc 14.000.000 đồng; kỳ hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 04/3/2021; lãi suất 30%/năm, mục đích vay tiêu dùng, số thẻ 5236.1100.4403.5899 và tài khoản 000087400725 (tuy chỉ anh S ký vào các thủ tục vay nhưng chị Ph cũng thừa nhận nghĩa vụ đối với khoản nợ này).

Do vậy, căn cứ vào quy định của điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001) của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì giao dịch giữa Ngân hàng và anh Nguyễn Hồng S, chị Nguyễn Thị Ph là hợp pháp, theo đó, Ngân hàng là bên cho vay (cấp tín dụng) và anh S – chị Ph là bên vay (khách hàng vay vốn) và mọi quyền lợi, nghĩa vụ phát sinh giữa các bên được thực hiện theo Điều 24, 25 của Quy chế.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ “Hợp đồng tín dụng”, anh Nguyễn Hồng S và chị Nguyễn Thị Ph đã sử dụng tài sản của mình là quyền sử dụng thửa đất số 904, tờ bản đồ số 06, diện tích 332m², địa chỉ tại: xóm T, xã H, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 635801, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nghệ An cấp ngày 16/10/2020 cho anh Nguyễn Hồng S và chị Nguyễn Thị Ph để thế chấp cho Ngân hàng. Các bên ký Hợp đồng thế chấp số REF2107800214/HDTC/NA1-NHS và giao dịch được chấp nhận đăng ký tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Nghi Lộc ngày 31/3/2022 là đảm bảo quy định tại Điều 298 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ.

[2.2]. Căn cứ vào các chứng từ thu hồi nợ và lời trình bày của đại diện nguyên đơn thì, quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn mới trả được 19.558.000 đồng đồng tiền gốc + 20.179.730 đồng nợ lãi của “Hợp đồng tín dụng” và 12.090.100 đồng nợ gốc + 2.758.416 đồng nợ lãi của “Thẻ tín dụng”. Từ tháng 02, tháng 3 năm 2022 đến nay, bị đơn không trả thêm khoản tiền nào khác. Và như vậy, khoản vay của anh S chị Ph chuyển thành nợ quá hạn theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2015 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Ngân hàng có quyền thực hiện các biện pháp để thu hồi nợ theo quy luật định, trong đó bao gồm cả quyền khởi kiện ra Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm.

Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn, bị đơn thỏa thuận được về việc việc trả nợ. Do vậy, căn cứ vào Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng; Điều 280, Điều 325; Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh S, chị Ph phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày xét xử (30/9/2022) gồm 300.442.000 đồng tiền gốc + 20.305.344 đồng tiền lãi phát sinh theo “Hợp đồng tín dụng” và 3.516.753 đồng nợ gốc + 642.511 đồng nợ lãi theo “Thẻ tín dụng” và tiền lãi phát sinh từ hai khoản vay kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi đã thỏa thuận.

Mặc dù trong Hợp đồng thế chấp không thỏa thuận tài sản thế chấp là tài sản gắn liền với đất (gồm nhà và các công trình kiến trúc khác do anh S chị Ph, anh Th chị N tạo dựng) song khi xem xét tài sản đảm bảo cần áp dụng Điều 325 của Bộ luật Dân sự để xử lý, cụ thể: trường hợp anh S, chị Ph không trả được số tiền nợ theo “Hợp đồng tín dụng” thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 904, tờ bản đồ số 06 diện tích 332m² tại xóm T, xã H, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 635801 ngày 16/10/2020 mang tên chủ sử dụng Nguyễn Hồng S - Nguyễn Thị Ph và các tài sản gắn liền trên đất thuộc quyền sở hữu của anh S, chị Ph (xây trên diện tích đất 195,6m² tại phía Bắc thửa đất) để thu hồi nợ (riêng Hợp đồng phát hành Thẻ tín dụng không có tài sản bảo đảm nên thửa đất số 904 không phải là tài sản thế chấp cho khoản vay này).

Qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì 01 phần ngôi nhà (2,1m² + 1,4m²), 01 phần nhà kho (0,8m²), bờ tường rào phía Bắc, 01 phần sân + mái tôn (0,2m² + 3,1m²), bờ tường bao phía Đông, cổng và trụ cổng do anh S chị Ph xây dựng nằm ngoài thửa đất số 904 nên không xử lý những phần tài sản này.

Đối với ngôi nhà và các tài sản khác của anh Th, chị N tạo lập trên 136,4m² tại phía Nam của thửa đất số 904; được ngăn cách với tài sản của anh S chị Ph bằng bờ tường xây (gồm 01 nhà mái bằng + 01 nhà bếp + 01 đoạn bờ bao xây gạch taplo + 01 sân + 01 mái tôn + lối đi ra cổng láng ximang + 02 trụ cổng + mái cổng + 02 cánh cổng) không phải là tài sản thế chấp. Do đó, việc sử dụng đất của anh Th chị N thực hiện theo Điều 325 của Bộ luật Dân sự 2015.

[2.3]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì nên không xem xét.

[2.5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên anh S và chị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng các đương sự đã thống nhất với nhau về nghĩa vụ trả nợ tại phiên hòa giải; vì vậy, anh S chị Phương phải chịu 2,5% tiền án phí. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Khoản 1 Điều 147; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng;

Điều 17, Điều 24, Điều 25 của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001) của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 280; Điều 325; Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Điều 13; Điều 26 của Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: anh Nguyễn Hồng S và chị Nguyễn Thị Ph có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc 300.442.000 đồng tiền gốc + 20.305.344 đồng tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay từng lần và 3.516.753 đồng nợ gốc + 642.511 đồng nợ lãi theo hợp đồng phát hành thẻ và tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày 30/9/2022 theo mức lãi thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Trường hợp anh Nguyễn Hồng S và chị Nguyễn Thị Ph không trả được nợ theo Hợp đồng cho vay từng lần trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 904, tờ bản đồ số 06 diện tích 332m² tại xóm T, xã H, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 635801 ngày 16/10/2020 mang tên chủ sử dụng Nguyễn Hồng S - Nguyễn Thị Ph và các tài sản gắn liền trên đất thuộc quyền sở hữu của anh S, chị Ph để thu hồi nợ. Các tài sản gắn liền trên diện tích 195,6m² tại phía Bắc thửa đất 904 thuộc sở hữu của anh S và chị Ph được xử lý thu hồi nợ bao gồm: 01 phần ngôi nhà mái bằng xây năm 2014 diện tích 96,6m²; 01 phần nhà kho chứa đồ xây năm 2017 diện tích 5,2m²; sân láng ximang làm năm 2017 diện tích 50,8m²; mái tôn lợp trên sân diện tích 50,8m² (những phần tài sản nào xây dựng ngoài thửa đất 904 thì không xem xét xử lý thu hồi nợ).

Khi xử lý tài sản thế chấp, anh Th chị N được tiếp tục sử dụng 136,4m² đất về phía Bắc trong phạm vi quyền, nghĩa vụ của mình; quyền và nghĩa vụ của anh S chị Ph trong mối quan hệ với anh Th chị N được chuyển giao cho người nhận chuyển quyền sử dụng đất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

[2]. Về chi phí tố tụng: không giải quyết.

[3]. Về án phí:

Trả lại cho Ngân hàng A số tiền **7.970.000** (Bảy triệu chín trăm bảy mươi ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005386 ngày 05/02/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghi Lộc phát hành.

Anh Nguyễn Hồng S và chị Nguyễn Thị Ph phải chịu **8.122.665** (Tám triệu một trăm hai mươi hai ngàn sáu trăm sáu mươi lăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn anh Nguyễn Hồng S có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nghi Lộc;
- Chi cục THADS huyện Nghi Lộc;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hồng Thê